PHỤ LỤC

(Kèm theo Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 27/10/2026 của UBND xã)

Phụ lục 1: HƯỚNG DẪN PHÂN LOẠI CHẤT THẢI SINH HOẠT TẠI HỘ GIA ĐÌNH ***(Áp dụng cho các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân)***

I. Ý nghĩa, lợi ích của việc phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn

- Tăng cường việc phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn; tăng cường tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu lượng rác sinh hoạt xử lý tại các khu xử lý chất thải.

- Nâng cao nhận thức, ý thức của người dân về công tác bảo vệ môi trường; thay đổi thói quen thu gom, phân loại chất thải; sử dụng rác hữu cơ làm phân bón cho cây trồng.

- Nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý nhà nước về quản lý chất thải góp phần bảo vệ môi trường, giảm chi phí trong quản lý và xử lý chất thải.

II. Phân loại chất thải sinh hoạt

** Chất thải sinh hoạt được phân loại thành 03 nhóm chính:*

1. Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế *(gồm các loại: giấy thải, nhựa thải, kim loại thải, thủy tinh thải, vải, đồ da, đồ gỗ, cao su, thiết bị điện, điện tử thải bỏ,...):*

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Biện pháp thu gom, lưu giữ
1.1	**Giấy thải**		
1.1.1	Hộp, túi, lọ, ly, cốc bằng giấy.		- Loại bỏ nước, dung dịch chứa bên trong. - Thu gọn, ép dẹt, giảm kích thước, thể tích.
1.1.2	Sách, truyện, vở, báo cũ, giấy viết,…; Thùng, bìa carton; Lõi giấy vệ sinh, giấy bọc gói, bì thư, biên lai, khay đựng trứng bằng giấy,…; Các loại bao bì giấy khác không nhiễm bẩn.		- Loại bỏ thực phẩm, sản phẩm chứa đựng ban đầu. - Thu gọn, ép dẹt, giảm kích thước, thể tích.
1.2	**Nhựa thải**		
1.2.1	Bao bì nhựa đựng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,…(không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).		- Tháo nắp, loại bỏ nước, dung dịch hoặc sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.

1.2.2	Các loại ghế nhựa, thau, chậu nhựa; Ly, cốc nhựa.		Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong.
1.3	**Kim loại thải**		
1.3.1	Bao bì nhôm, sắt hoặc kim loại khác đựng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,…(không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).		- Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.
1.3.2	Đồ dùng nhà bếp bằng kim loại: xoong, nồi, niêu, ấm nước, bếp gas, vật dụng nhỏ như bát, đĩa, thìa, dĩa,…; Các loại vật dụng kim loại thải khác.		- Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu, xếp gọn các vật sắc nhọn để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.
1.4.	**Thủy tinh thải**		
1.4.1	Chai, lọ thủy tinh đựng bia, rượu, thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế… (không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).		- Tháo nắp, loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong. - Thu, xếp gọn, hạn chế va đập, gây vỡ.
1.4.2	Bình hoa, đồ trang trí bằng thủy tinh, pha lê.		Loại bỏ sản phẩm chứa đựng bên trong; tái sử dụng với đồ vật còn nguyên vẹn.
1.4.3	Thủy tinh thải khác.		Thu, xếp gọn các vật sắc nhọn để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.

1.5	**Vải, đồ da**		
1.5.1	Quần áo, phụ kiện; giày, dép, vali; chăn, màn, rèm cửa bằng vải,…(không dính thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).		- Tái sử dụng đối với các đồ vật sạch. - Thu gọn.
1.6	**Đồ gỗ**		
1.6.1	Đồ chơi; vật trang trí, đồ gia dụng, hộp, khay,…bằng gỗ.		- Tái sử dụng đối với vật dụng còn nguyên vẹn. - Thu gọn, giảm kích thước, thể tích đối với các vật dụng đã bị hư hỏng để tái chế.
1.7.	**Cao su**		
1.7.1	Đồ chơi bằng cao su.		- Tái sử dụng đối với đồ chơi còn nguyên vẹn. - Thu gọn, giảm kích thước, thể tích đối với đồ chơi đã bị hư hỏng để tái chế.
1.7.2	Săm, lốp, vật dụng bằng cao su các loại.		Bó gọn.
1.8	**Thiết bị điện, điện tử thải bỏ**		
1.8.1	Các thiết bị điện, điện tử nhỏ như: máy ảnh và máy ghi hình; điện thoại di động và điện thoại để bàn; dây cáp và phụ kiện máy tính; bảng điều khiển trò chơi; đồ chơi điện tử; máy tính toán cầm tay; bàn phím; máy tính xách tay và máy tính bảng; máy nhắn tin; bộ đàm, đèn led, đèn halogen,…	 	Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời.

1.8.2	Các thiết bị điện, điện tử lớn như: máy tính để bàn và màn hình; máy fax; máy in và máy quét; dàn âm thanh và loa; tivi; máy đánh chữ; đầu đĩa VCR/DVD, tấm quang năng,… Tủ lạnh, tủ đông, máy điều hòa, máy rửa bát, máy giặt, quạt điện, quạt sưởi, bếp điện, bếp từ, lò nướng, nồi cơm điện,…		Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời

2. Chất thải thực phẩm *(gồm thức ăn thừa; thực phẩm hỏng hết hạn sử dụng; các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn,…; các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm, thủy, hải sản)*

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
2.1	Thức ăn thừa; Thực phẩm hết hạn sử dụng.		Bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì,…kín, không rò rỉ, ngăn ngừa mùi phát tán.
2.2	Các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn,…; Các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm; thủy, hải sản.		Bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì,…kín, không rò rỉ, ngăn ngừa mùi phát tán.

3. Chất thải rắn sinh hoạt khác:

- Chất thải nguy hại *(gồm các loại: bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit thải, dung môi thải, kiềm thải, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại, bình gas mini,...)* từ hoạt động sinh hoạt.
- Chất thải cồng kềnh *(gồm các loại: tủ, bàn ghế, sofa, giường, nệm, cũ hỏng, tủ sắt, khung cửa, cánh cửa, cành cây, gốc cây,...).*
- Chất thải khác còn lại.

TT	Tên chất thải	Hình ảnh minh họa	Kỹ thuật trong phân loại
3.1	**Chất thải nguy hại**		
3.1.1	Bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit thải, dung môi thải, kiềm thải, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại, bình gas mini,…từ hoạt động sinh hoạt; Sơn, mực, chất kết dính (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất); Găng tay, giẻ lau dính dầu, hóa chất; Kim tiêm, khẩu trang, bông băng bị nhiễm khuẩn từ người bệnh.	  	- Bảo đảm được đựng, chứa trong vật đựng, túi, bao bì… để an toàn, tránh phát tán CTNH ra ngoài môi trường. - Thu, xếp gọn các vật sắc nhọn (như kim tiêm) để tránh gây thương tích trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.
3.1.2	Các loại bóng đèn huỳnh quang thải; thủy tinh hoạt tính thải; nhiệt kế chứa thủy ngân thải.		- Không đập vỡ. - Trường hợp bị vỡ thì lưu giữ bảo đảm an toàn tránh gây thương tích, ngăn ngừa phát tán thủy ngân trong quá trình phân loại, thu gom và xử lý.
3.1.3	Các loại pin, ắc quy thải.		Giữ nguyên hình dạng, không tháo rời.
3.2.	**Chất thải cồng kềnh**		
3.2.1	Tủ, bàn ghế, sofa, giường, nệm, cũ hỏng,…		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích. Trường hợp tháo dỡ thì chất thải sau đó được phân loại vào các nhóm chất thải tương ứng.
3.2.2	Tủ sắt, khung cửa, cánh cửa,…		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích. Trường hợp tháo dỡ thì chất thải sau đó được phân loại vào các nhóm chất thải tương ứng.

3.2.3	Cành cây, gốc cây,…		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.
3.3	**Chất thải khác còn lại**		
3.3.1	Vỏ các loại hạt như macca, óc chó, hạt điều, dừa, vỏ trứng, xơ dừa, rơm, trấu,…từ hoạt động sinh hoạt. Chiếu cói; chiếu tre, trúc; gối mây, tre,…; Lông gia súc, gia cầm,…; Bã các loại: cà phê, trà (túi trà), bã mía, xác mía, lõi ngô (cùi bắp),…; Chất thải từ làm vườn từ hộ gia đình như lá, rễ, cành cây nhỏ, cỏ, hoa,…		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích.
3.3.2	Phân động vật cảnh; xác động vật cảnh chết không do dịch bệnh,…		Chứa trong vật đựng kín, không rò rỉ, ngăn ngừa phát tán mùi.
3.3.3	Tã, bỉm, băng, giấy vệ sinh, giấy ăn đã sử dụng; giấy ướt đã sử dụng; bông tẩy trang, khẩu trang,…; Các loại hộp xốp; các loại sản phẩm nhựa sử dụng một lần; Bã kẹo cao su, đầu lọc thuốc lá,…; Bóng bay, băng keo dán, tăm bông tai, tăm chỉ kẽ răng; Vỏ thuốc,…		Thu gọn, giảm kích thước, thể tích, bảo đảm tránh rơi vãi.
3.3.4	Giày, dép nhựa, thước kẻ, muôi (vá), thìa (muỗng) bằng nhựa; Bút, bật lửa đã hết gas, bàn chải đánh răng, vỏ tuýp, hộp kem đánh răng,…; Các loại nhựa thải khác.		Thu gọn, bảo đảm tránh rơi vãi.

3.3.5	Vỏ cứng các loài thủy, hải sản; Xỉ than từ hoạt động sinh hoạt,…; Gốm, sành, sứ thải…		Thu gọn, giảm thể tích, bảo đảm tránh rơi vãi.
3.3.6	Các loại chất thải còn lại		Bó gọn

** Mỗi hộ gia đình, cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn xã cần trang bị ít nhất 2 thùng rác ký hiệu riêng biệt nhằm tránh bỏ nhầm:*

+ Thùng RÁC HỮU CƠ (phía ngoài vỏ thùng dán chữ hoặc kí hiệu rác hữu cơ)

+ Thùng RÁC VÔ CƠ khó phân hủy (phía ngoài vỏ thùng dán chữ hoặc kí hiệu rác vô cơ).

Có thể tận dụng các đồ dùng cũ (như xô, chậu, thùng đựng sơn, bao dứa cũ…) làm dụng cụ lưu chứa phù hợp giúp tiết kiệm chi phí.

** Lưu ý:*

- Rác tái chế: thu gom vào thùng hoặc bao, túi đựng riêng để tận dụng dùng lại, cho người cần sử dụng hoặc bán phế liệu để tái chế.

- Rác nguy hại (rác độc hại): đựng vào túi nilon đảm bảo độ bền, kín; khi đầy giao riêng cho đơn vị thu gom để tập kết tại kho chứa CTNH và thuê xử lý theo quy định.

Phụ lục 2: HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI HỮU CƠ THÀNH PHÂN BÓN TẠI HỘ GIA ĐÌNH (Tái sử dụng chất thải thực phẩm, chất thải hữu cơ)

1. Sử dụng Hố ủ rác hữu cơ được đào tại vườn

Là giải pháp xử lý ủ rác ngay tại các hộ gia đình với kinh phí thấp, dễ thực hiện và rất an toàn cho môi trường. Những hộ gia đình áp dụng phương pháp này có thể bỏ rác hữu cơ trực tiếp vào hố ủ, do vậy không cần trang bị thùng chứa rác hữu cơ.

Rác hữu cơ phân hủy thành mùn được lấy ra bón cho cây trồng hoặc trồng cây trên hố; nắp hố lại tận dụng làm nắp của hố khác nên gọi là hố di động.

*** Đối tượng áp dụng:** dành cho hộ gia đình có diện tích đất vườn để đào hố ủ.

*** Trang thiết bị:**

- Nắp đậy có thể là vật liệu composite hoặc bằng nhựa dẻo, tôn gò có thể sử dụng được nhiều năm hoặc các loại nắp đậy khác (đảm bảo kín, tránh nước mưa, mùi…) phù hợp với điều kiện của từng gia đình.

- Chế phẩm sinh học.

*** Quy trình xử lý**:

- Đào hố đất có kích thước: dài x rộng x sâu = 0,6mx0,6mx0,7m, phần nhô lên mặt đất cao 0,2m có thể xếp bằng gạch, gạch bi để đặt nắp đậy.

- Đổ rác và đậy nắp thường xuyên để tránh nước mưa và ruồi muỗi. Mỗi lớp rác có độ dày 10-20cm; sau đó tưới một lớp chế phẩm vi sinh để khử mùi và tăng cường quá trình phân hủy.

- Khoảng 20 ngày, lượng rác hữu cơ này sẽ phân hủy thành phân bón hữu cơ vi sinh, người dân hoàn toàn có thể sử dụng vào canh tác nông nghiệp.

- Khi các hố rác đã chứa đầy, phần nắp sẽ được di dời sang hố đào khác, hố đã đầy rác sẽ được lấp đất lại trồng cây. Cứ như vậy nắp hố rác này có thể sử dụng được nhiều lần.





*** Những điểm cần lưu ý khi thực hiện hố rác di động tại gia đình:**

Tránh nước xâm nhập vào trong hố rác (nước mưa…); tránh đào hố gần mạch nước ngầm; chỉ cần hố đủ rộng và không quá sâu; tuy lượng khí sinh ra trong quá trình ủ rác là không nhiều nhưng khi mở nắp hố cần tránh đứng trực diện với miệng hố và nên mang khẩu trang.

*** Ưu điểm:**

- Đơn giản, dễ thực hiện.

- Nắp hố rác di động cho vùng nông thôn rất đơn giản, kinh phí thấp và dễ sử dụng, mang lại nhiều hiệu quả thiết thực cho người dân nông thôn. Giải quyết tại chỗ chất thải sinh hoạt hữu cơ dễ phân hủy của các hộ gia đình, giữ gìn vệ sinh môi trường ngay tại từng hộ gia đình.

- Giúp giảm thiểu ô nhiễm không khí (mùi rác phân hủy); đặc biệt sau khoảng 30 ngày các hộ gia đình có thể trực tiếp sử dụng làm hố trồng cây hoặc dùng rác phân hủy để bón cho cây trồng.

- Giúp giảm tải lượng rác phải xử lý tại khu xử lý chất thải tập trung của địa phương, góp phần tạo cảnh quan sạch đẹp nơi hộ gia đình đang sinh sống, cải thiện bộ mặt nông thôn.

* ***Hạn chế:*** Chỉ áp dụng được đối với các hộ gia đình có diện tích vườn rộng.

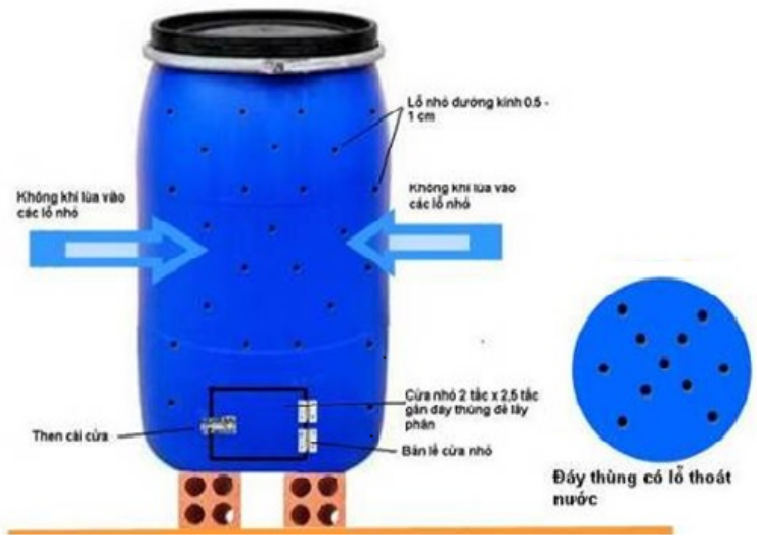
2. Sử dụng thùng ủ để xử lý chất thải hữu cơ

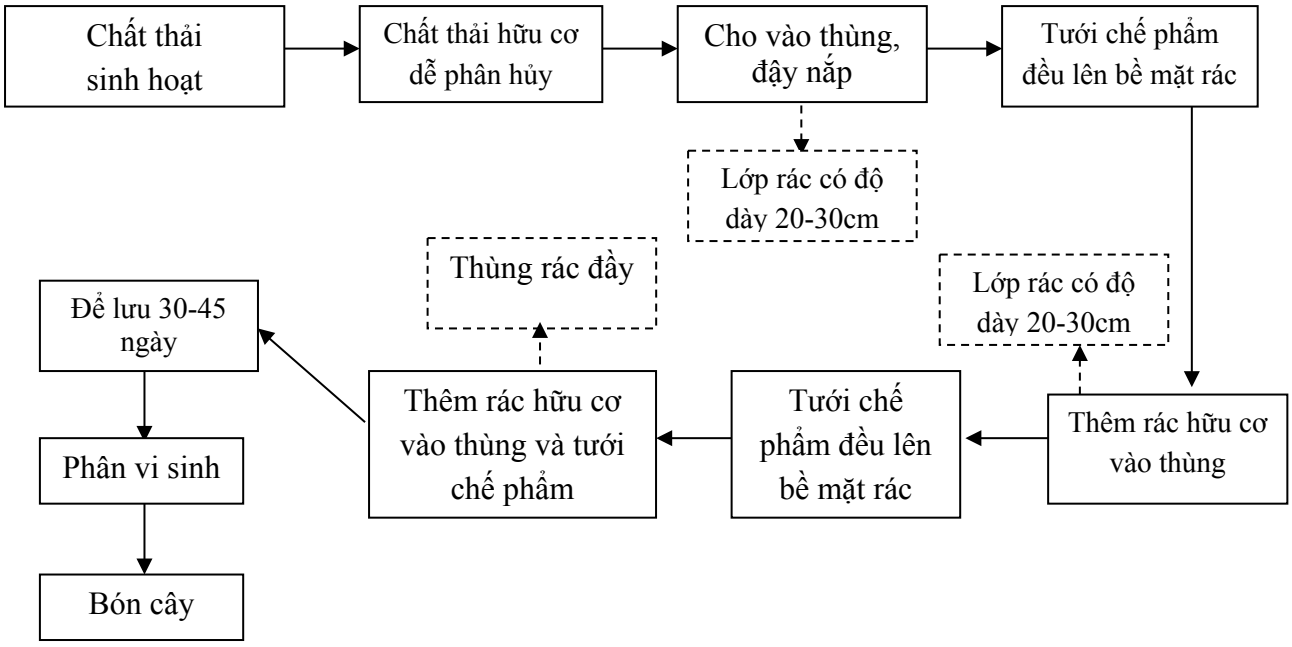
* **Đối tượng áp dụng**: dành cho hộ gia đình không có nhiều diện tích đất vườn.

* **Thiết bị:** thùng xử lý chất thải hữu cơ dung tích 220 lít.

- Chế phẩm sinh học.

**** Quy trình xử lý:***





+ Các nguồn thải phát sinh:

Nước rỉ từ quá trình ủ rác hữu cơ được đựng trong chậu đặt dưới đáy thùng, sau đó được sử dụng để tưới trực tiếp cho cây trồng hoặc tưới lại vào chất thải hữu cơ trong

thùng để đẩy nhanh quá trình phân huỷ rác.

Mùi hôi của chất thải được xử lý triệt để bằng cách sử dụng chế phẩm vi sinh EMIC tưới đều lên bề mặt chất thải hữu cơ trong thùng.

+ Sản phẩm thu được: Phân hữu cơ đã được ủ có thể sử dụng ngay để bón cho cây trồng.





*** Ưu điểm**

- Xử lý tương đối triệt để đối với các loại rác hữu cơ dễ phân hủy, rác sau xử lý được phân hủy có dạng mùn, không mùi sử dụng tốt cho trồng cây.
- Thùng chứa có nắp đậy, tránh phát sinh mùi ra khu vực xung quanh; thiết kế thùng giúp lấy phân mùn để sử dụng tương đối thuận tiện.

*** Hạn chế**

- Lượng rác được xử lý với khối lượng nhỏ chỉ đủ phục vụ cho hộ quy mô nhỏ, chưa phù hợp đối với các hộ có mục đích sử dụng phân vi sinh để trồng cây với quy mô lớn.

Phụ lục 3: HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT QUY TRÌNH Ủ CHẤT THẢI HỮU CƠ THÀNH PHÂN BÓN BẰNG CHẾ PHẨM SINH HỌC TẠI KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TẬP TRUNG CỦA XÃ

* Các loại chất thải vô cơ (không thể tái chế, tái sử dụng): được chôn lấp hoặc đốt trong lò đốt rác.

* Rác hữu cơ dễ phân hủy: được ủ làm phân hữu cơ trong điều kiện ủ hiếu khí (ủ đống có đảo trộn). Rác hữu cơ được cho vào hố ủ, phun chế phẩm vi sinh; nước phun đủ ẩm, đậy bạt nhựa kín hố ủ; ủ tự nhiên ít nhất trong 30 ngày; nhiệt độ hố ủ ổn định (40-45ºC); đảo trộn 7-10 ngày/lần; nước rò rỉ phát sinh có thể tưới lại cho chất thải trong hố ủ để tạo độ ẩm thích hợp. Sau thời gian ủ, sàng phân loại: chất mùn được dùng để bón cho cây trồng, chất còn lại không phải mùn đem đi chôn lấp (hoặc đốt).

1. Chuẩn bị nguyên liệu

- *Phế thải có nguồn gốc từ cây xanh*:

+ Các loại rác lá như rơm rạ, ngô, đậu, lạc, chè, vải, xoài, cà phê, các loại cỏ; rau, củ, quả thừa (trừ cỏ gấu, cỏ tranh), ...

+ Các loại vỏ như vỏ trấu, vỏ lạc, vỏ cà phê,...

+ Các loại mùn: Than mùn (than bùn dùng trong sản xuất phân bón), mùn mía, mùn cưa, mùn giấy....

- *Phế thải có nguồn gốc từ động vật*: Phân gia súc (trâu, bò, lợn, dê...), gia cầm (vịt, gà, ngan...), bùn khu chăn nuôi, chế biến thực phẩm.

- *Chế phẩm vi sinh EMIC*.

***Lưu ý*:**

- Để ủ phân hữu cơ vi sinh tốt, cần phải có đủ ba nguồn nguyên liệu trên.

- Khi ủ rác lá, vỏ thì lượng phân chuồng hoặc mùn hoai chiếm 20-50% để giữ ẩm và tăng nguồn dinh dưỡng cho vi sinh vật.

- Nên tập kết nguyên liệu rác lá, vỏ, mùn, phân chuồng thành đống. Khi đủ lượng trên 5 tạ hoặc nhiều hơn thì tiến hành ủ.

1.1. Độ ẩm

Khi ủ cần hoà chế phẩm EMIC vào nước, lượng nước cho vào tuỳ độ ẩm của phân rác. Sao cho khi tưới chế phẩm vào phân rác được đều và đạt độ ẩm 50% - 60%.

Cách kiểm tra độ ẩm khi ủ: Nếu thấy nước ngấm đều trong rác thải, phế thải và khi cầm vào thấy mềm là đạt độ ẩm cần thiết. Đối với than bùn, mùn cưa, mùn mía... nếu bóp chặt thấy nước rịn ra kẽ tay là độ ẩm khoảng 50% - 60%, nếu nước chảy ra là quá ẩm, còn nếu xoè tay ra thấy vỡ ra là quá khô.

Trong quá trình ủ cần duy trì độ ẩm để vi sinh vật hoạt động tốt bằng cách đậy kỹ và bổ sung nước nếu thiếu.

1.2. Độ thoáng khí

Vi sinh vật cần oxy để sinh trưởng nên khi ủ bổ sung rác lá tạo độ xốp nguyên liệu thì khoảng 7 - 10 ngày nên đảo trộn để bổ sung thêm khí, giúp cho quá trình mùn hoá nhanh hơn.

1.3. Nhiệt độ

Nhiệt độ thích hợp để vi sinh vật ưa nhiệt phân giải nhanh chất hữu cơ là từ 40 – 50^0C. Để duy trì nhiệt độ này ta cần phải che đậy kỹ. Trong quá trình ủ nhiệt độ lên cao có thể đạt mức trên 60^oC sẽ làm cho đống ủ khô, vì vậy cứ 7 – 10 ngày tiến hành đảo trộn bổ sung nước một lần nếu nguyên liệu khô.

2. Các bước thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị nguyên liệu (làm 1 tấn phân)

- Phế thải có nguồn gốc từ cây xanh (khoảng 5 - 8 tạ).
- Phân chuồng (khoảng 2 – 5 tạ).
- Chế phẩm EMIC (2 gói 200g).

Chú ý: *Kích thước nguyên liệu càng nhỏ càng tốt. Nguyên liệu như cây ngô, lạc thì nên chặt ngắn khoảng 20cm. Đối với rơm rạ, rác lá khô nên tưới ẩm trước khi ủ ít nhất 12 giờ.*

Bước 2. Chọn nơi ủ

Ủ ở những nơi thuận tiện cho việc sử dụng, trên nền đất trống hoặc xi măng, khô ráo. Nên rạch rãnh xung quanh cho nước chảy vào hố gom nhỏ tránh nước ủ phân chảy ra ngoài khi tưới ẩm quá. Diện tích nền khoảng $3m^2$/1 tấn phân ủ.

Bước 4: Cách trộn chế phẩm với nguyên liệu ủ

Để trộn đều 2 gói chế phẩm (200g) cho 1 tấn nguyên liệu ủ: Chia đều chế phẩm làm 6 phần và lượng phân rác cũng chia làm 6 phần. Sau đó cho 1 phần chế phẩm vào thùng ôzoa nước khuấy đều. Tiến hành rải 1 phần phân rác mỗi chiều khoảng 1,5 - 2m rồi cào đều, tưới đều chế phẩm lên lớp phân rác đã rải. Nếu khô thì tưới thêm nước, lượng nước (kể cả nước dùng để tưới chế phẩm) khoảng 1 đến 2 thùng ôzoa tùy thuộc vào rác ướt hay khô. Cứ tiếp tục từng lớp như thế cho đến khi hoàn thành.

Nếu tiến hành ủ lượng phân rác nhiều thì ta rải phân rác thành từng lớp trong luống ủ có chiều rộng khoảng 2m, chiều dài tuỳ theo lượng rác nhiều hay ít và mỗi lớp khoảng 20 - 25cm (khoảng 1 gang tay) rồi cào đều. Ta tưới chế phẩm đã hoà vào đều từng lớp, sao cho phân rác ướt đều và nước không bị ngấm chảy ra xung quanh đống ủ (độ ẩm đạt khoảng 50% - 60%). Tiếp tục tiến hành làm từng lớp như thế cho đến khi chiều cao của đống ủ khoảng 1,2-1,5m .

Bước 5: Che phủ đống phân ủ

Sau khi trộn và phối chế xong, che đậy đống ủ bằng bạt, bao tải dứa hoặc nilon. Để đảm bảo tốt hơn và tránh ánh sáng chiếu trực tiếp đống ủ nên che thêm tấm che bằng lá hoặc mái lợp. Vào mùa đông, cần phải che đậy kỹ để nhiệt độ đống ủ được duy trì ở mức 40 - 50^0C.

Bước 6: Đảo trộn phân và bảo quản

Sau khi ủ vài ngày nhiệt độ đống ủ tăng lên cao khoảng 40 - 50^oC. Nhiệt độ này sẽ làm cho nguyên liệu bị khô và không khí cần cho hoạt động của vi sinh vật cũng ít dần. Vì vậy, cứ khoảng 7 - 10 ngày tiến hành kiểm tra, đảo trộn và nếu nguyên liệu khô thì bổ sung nước.

Tuỳ theo loại nguyên liệu mà thời gian ủ khác nhau. Phế thải nông nghiệp, phân chuồng thường ủ 25-30 ngày. Những phế thải nông nghiệp khác như lá mía, lõi thân cây ngô, lạc... thì thời gian ủ dài hơn. Phân dùng không hết nên đánh đống lại che đậy cẩn thận hoặc đóng bao để dùng về sau. Thời hạn sử dụng tốt nhất trong vòng 1 năm.

3. Cách thức sử dụng phân ủ hữu cơ vi sinh

- Lúa, ngô, khoai, sắn, rau quả, rau đậu các loại....: Bón lót, bón thúc, từ 4 -5 tạ/sào.
- Cây cây ăn quả: Trước khi trồng 15-20 ngày trộn 15- 20kg với đất cho mỗi hố để trồng cây. Bón lót, bón thúc, mức bón từ 0,5 - 1 tấn/sào.
- Đối với cây mía: Bón theo rãnh, mức bón 20 tấn/ha.